

LIÊN HIỆP CÁC HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT NAM
HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ TÂM

TRI THỨC DÂN GIAN
VỀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN
CỦA NGƯỜI CAO LAN Ở VĨNH PHÚC



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

**ĐỀ ÁN BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ
TÁC PHẨM VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT
CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM**

Cố vấn Ban Chỉ đạo: Nhà thơ Hữu Thịnh
Chủ tịch Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

BAN CHỈ ĐẠO

1. Nhà văn Tùng Điền (Trần Quang Điền) *Trưởng ban*
2. Nhà nghiên cứu, TS. Đoàn Thanh Nô *Phó Trưởng ban*
3. TS. Trịnh Thị Thủy *Phó Trưởng ban*
4. Nhạc sĩ Nông Quốc Bình *Ủy viên kiêm Giám đốc*
5. GS.TS. Nguyễn Xuân Kính *Ủy viên*
6. PGS.TS. Lâm Bá Nam *Ủy viên*
7. ThS. Vũ Công Hội *Ủy viên*
8. ThS. Phạm Văn Trường *Ủy viên*
9. ThS. Nguyễn Nguyên *Ủy viên*
10. ThS. Nguyễn Ngọc Bích *Ủy viên*

Giám đốc

Nhạc sĩ Nông Quốc Bình

LỜI GIỚI THIỆU

Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, mái nhà chung của các Hội Văn học nghệ thuật cả nước. Liên hiệp gồm 74 tổ chức thành viên với trên 45.000 hội viên là văn nghệ sĩ thuộc các Hội Văn học nghệ thuật chuyên ngành Trung ương và các Hội Văn học nghệ thuật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó có Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam.

Trải qua gần 25 năm hình thành và phát triển, đến nay Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam đã có hơn một nghìn hội viên, trong đó gần 600 hội viên là người dân tộc thiểu số hoạt động tại 34 tổ chức cơ sở và các chi hội, tỉnh thành hội trong cả nước. Trong giai đoạn từ năm 1999 đến nay, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, đã có hàng nghìn công trình, tác phẩm văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam được sưu tầm, nghiên cứu, biên dịch, sáng tạo.

Bộ sách này là một phần của Đề án “Bảo tồn, phát huy giá trị tác phẩm văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam”, với mục tiêu là thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước nhằm bảo tồn, phát huy giá trị tác phẩm văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam; quảng bá di sản văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam với bạn bè thế giới; góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thúc đẩy tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; bổ sung nguồn tài liệu phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu, trao đổi, giao lưu và phát triển văn hóa giữa các tộc người, nhân dân trong và ngoài nước, với cộng đồng quốc tế.

Bộ sách là kết quả từ kho tài liệu hàng nghìn công trình, tác phẩm đã được nghiên cứu, sưu tầm, biên dịch, sáng tạo qua nhiều thế hệ tác giả, nghệ nhân, hội viên của Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện bộ sách, Ban Chỉ đạo mong nhận được góp ý của quý bạn đọc gần xa.

TM. BAN CHỈ ĐẠO
TRƯỞNG BAN

Nhà văn Tùng Điền

Phó Chủ tịch Thường trực

Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

LỜI NÓI ĐẦU

Tri thức dân gian của các tộc người thiểu số ở Việt Nam là tổng hợp những kinh nghiệm được hình thành bởi thể ứng xử giữa hoạt động của cộng đồng trong một vùng môi trường có các điều kiện tự nhiên cụ thể để sinh tồn được cộng đồng công nhận. Nó được chọn lọc và truyền từ đời này qua đời khác. Tri thức dân gian hiểu theo nghĩa rộng dạng văn hóa này như là một “nguồn lực chung” của cộng đồng trong quá trình phát triển.

Việt Nam là một quốc gia đa tộc người nên tri thức dân gian của các tộc người rất phong phú và đa dạng. Mặc dù chỉ dừng lại ở mức độ kinh nghiệm và cảm nhận, nhưng nhờ được rút ra từ hoạt động thực tiễn của con người nên nó vẫn có giá trị thiết thực trong xã hội hiện nay. Có một thực tế ở cộng đồng các tộc người thiểu số hiện nay là hầu hết những người am hiểu về tri thức dân gian đều là những bậc cao niên. Khi những người này mất đi, những giá trị

tri thức dân gian sẽ theo họ nếu chưa kịp trao truyền lại cho thế hệ sau. Do đó cần phải coi tri thức dân gian như một nguồn tài nguyên quan trọng và lập kế hoạch nghiên cứu, sưu tầm, phát huy chúng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nói chung, sự nghiệp phát triển bền vững ở vùng miền núi và tộc người thiểu số nói riêng.

Tài nguyên thiên nhiên là những của cải vật chất có sẵn trong tự nhiên mà con người có thể khai thác, chế biến, sử dụng, phục vụ cuộc sống của con người⁽¹⁾. Nội hàm khái niệm tài nguyên thiên nhiên, bao gồm: tài nguyên đất, tài nguyên rừng, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản và nguyên môi trường - khí hậu⁽²⁾. Tuy nhiên trong khuôn khổ nội dung cuốn sách này, chúng tôi giới hạn phạm vi nghiên cứu là sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên đất, nước và rừng.

Sử dụng tài nguyên thiên nhiên là những cách ứng xử của con người với các nguồn tài nguyên thông qua sự hiểu biết, những kinh nghiệm thực hành được đúc kết trong quá trình khai thác các nguồn tài

(1) Dẫn theo

https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A0i_ngu%E1%BB%97n_thi%E1%BB%97n_nhi%E1%BB%97n, truy cập ngày 10/9/2017.

(2) Mai Văn Tùng (2017), *Tri thức dân gian trong sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên của người Mường ở Thanh Hóa*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 11.

nguyên. Sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên là vừa đáp ứng nhu cầu sử dụng tài nguyên của xã hội hiện tại, vừa đảm bảo duy trì dài lâu các nguồn tài nguyên cho những thế hệ sau. *Bảo vệ* tài nguyên thiên nhiên là sự ứng xử với các nguồn tài nguyên thông qua những thiết chế (quan phương và phi quan phương), như: quy ước, luật tục, tín ngưỡng, luật pháp... Mục đích cuối cùng của những tri thức dân gian trong sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên là góp phần phát triển bền vững, tránh tình trạng khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên, đồng thời duy trì sự đa dạng sinh học và bảo tồn hệ sinh thái⁽¹⁾.

Địa bàn cư trú của người Cao Lan nằm trong khu vực từ trung lưu sông Lô, sông Gâm, sông Chảy đổ xuống phần lãnh thổ phía Đông Nam của vùng Đông Bắc. Người Cao Lan ở Việt Nam cư trú tập trung tại các tỉnh Tuyên Quang, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Bắc Giang, Lạng Sơn, Quảng Ninh... Ở tỉnh Vĩnh Phúc, người Cao Lan cư trú chủ yếu tại huyện Lập Thạch (nay thuộc huyện Sông Lô). Sinh sống trong một khu vực có điều kiện cảnh quan tương đối phong phú nên người Cao Lan đã dựa vào điều

(1) Mai Văn Tùng (2017), *Tri thức dân gian trong sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên của người Mường ở Thanh Hóa*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 10 - 11.

kiện tự nhiên, cải tạo và khai thác các tài nguyên thiên nhiên để sinh tồn. Cuộc sống của họ gắn chặt với những quả đồi, cánh rừng, thung lũng và những cánh đồng chân núi, men theo chiều dài các con suối. Đồng bào bám vào đất đai ở những vùng trước núi để canh tác các loại cây trồng cho lương thực, phục vụ bữa ăn hằng ngày, cho sợi để chế biến thành vải mặc, dựa vào rừng để săn bắt, hái lượm, khai thác nguồn dược liệu chữa bệnh, tìm kiếm vật liệu xây dựng nhà cửa, tạo tác những đồ dùng sinh hoạt hằng ngày, công cụ lao động sản xuất, đánh bắt...⁽¹⁾ Môi trường tự nhiên đã hòa quyện, gắn chặt vào cuộc sống vật chất và cuộc sống tâm linh của đồng bào Cao Lan. Do cuộc sống vốn gắn liền với thiên nhiên, bởi vậy những tri thức của tộc người này về sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên rất đa dạng. Đối với cuộc sống của họ, ba loại tài nguyên thiên nhiên được xem là quan trọng nhất là: đất, nước và rừng.

Đất là tài nguyên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng hàng đầu của

(1) Không Thị Kim Anh, Trần Thu Hiếu (2016), “Dân tộc Sán Chay” trong Vương Xuân Tình (chủ biên), *Các dân tộc ở Việt Nam, Tập 2 – Nhóm ngôn ngữ Tày - Thái Ka đai*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 232-305.